

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS -PT

Ngày 26/4/2022

V/v: “*Tranh chấp lối đi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam

Các Thẩm phán: Ông Ma Hồng Thắng.

Ông Phúc An Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Hữu Tình - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2021/TLPT - DS ngày 05/11/2021 về việc “*Tranh chấp lối đi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS-ST, ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2022/QĐ-PT, ngày 04 tháng 01 năm 2022; Thông báo hoãn phiên tòa số 03/TB-TA ngày 23/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐ-PT ngày 23/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐ-PT ngày 22/3/2022; Thông báo hoãn phiên tòa số 882/TB-TA ngày 06/4/2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Đào Thị C, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn Đồn B, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Đào Thị C là ông Phạm Mạnh H - Luật sư Văn phòng Luật sư Hồng Hà thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang. Địa chỉ: Số nhà 21, đường Nguyễn Văn Linh, tổ 9 phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang và ông Lê Quý T - Luật sư Văn phòng Luật sư Minh Hà Ngân thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang. Địa chỉ: Số nhà 52, tổ 05 phố Tam Cờ, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn D là ông Đàm Quốc C – Luật sư Công ty luật TNHH MTV Quốc Cường, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang, địa chỉ: Khu dân cư Lý Thái Tổ, tổ 17, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ UBND xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo pháp luật: Ông La Văn H, chức vụ: Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Quang T, chức vụ: Công chức địa chính.

+ Anh Phạm Văn N, sinh năm 1978.

+ Chị Trần Thị T, sinh năm 1982.

+ Bà Trần Thị D, sinh năm 1966.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989.

+ Anh Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1990.

+ Anh Đỗ Anh T, sinh năm 1978.

+ Ông Nguyễn Thái S, sinh năm 1960.

+ Chị Phạm Thị H, sinh năm 1995.

+ Chị Nguyễn Thị X (tên gọi khác: Nguyễn Thị H), sinh năm 1984.

+ Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1986.

+ Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1968.

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

+ Chị Đào Thị Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Đào Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Anh T, anh Nguyễn Hoàng H

(Nguyễn Văn D, anh T, anh H, ông S, ông H, ông T, Nguyễn Văn D, ông C có mặt; Bà M, bà N, bà D, chị T, ông S, ông T, anh Ng, anh T, chị Q, chị H, chị X, anh G có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đào Thị C trình bày:

Bà với ông Nguyễn Văn D có quan hệ anh em họ hàng với nhau (chồng bà là ông Nguyễn Thái S là con nhà chị, Nguyễn Văn D là con nhà em, Nguyễn Văn D gọi bà là chị dâu). Bà và ông Nguyễn Thái S kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1983 tại thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Từ trước đến nay các bên không có mâu thuẫn hay nợ nần tài sản gì với nhau.

Trước năm 1990 gia đình bà làm nhà và sinh sống tại khu vực thuộc thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang và tạo con đường mòn từ nhà bà đến bờ ao nhà ông Nguyễn Văn D ra đường liên thôn. Quá trình sử dụng gia đình bà có tu sửa và mở rộng con đường, trồng hai bụi tre cạnh bờ ao nhà Nguyễn Văn D để tránh sạt lở. Năm 2012 gia đình bà hợp tác với Nguyễn Văn D cùng nhau chở đò từ bến đò qua Sông Lô sang đất huyện B, tỉnh Hà Giang, việc hợp tác làm ăn được khoảng 05 tháng thì Nguyễn Văn D không tham gia chở đò nữa. Tháng 5 năm 2013 gia đình bà và Nguyễn Văn D ký hợp đồng thuê bờ ao của Nguyễn Văn D với trị giá 5.000.000 đồng/năm. Các bên thực hiện đúng nội dung thỏa thuận trong hợp đồng đến tháng 4 năm 2018 gia đình bà chặt tre tại bụi tre do gia đình bà trồng trước đó thì Nguyễn Văn D gây sự và lấy cớ phá hợp đồng. Nguyễn Văn D tự ý đào rãnh sâu ngang đường, rào lại bờ ao chắn đường đi lại, làm nhà khung cột bê tông trên đất đường đi của gia đình bà, cản trở không cho khách đi lại qua đò. Bà đã làm đơn đề nghị yêu cầu thôn Đ và UBND xã B giải quyết sự việc nhiều lần nhưng đều hoà giải không thành.

Bà đã làm đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn D gửi đến Tòa án nhân dân huyện H xem xét giải quyết buộc ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm phải khôi phục lại hiện trạng con đường mòn đi từ nhà bà đến đoạn qua bờ ao nhà ông Nguyễn Văn D ra đường liên thôn như trước thời điểm tháng 4 năm 2018 để làm lối đi chung cho gia đình bà và các hộ dân khác.

Tại phiên toà, bà Đào Thị C thay đổi nội dung khởi kiện, Nguyễn Văn D không khởi kiện Nguyễn Văn D nội dung tranh chấp về lối đi chung mà Nguyễn Văn D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn D phải dành cho gia đình bà và các hộ dân khác một lối đi qua là toàn bộ diện tích đất đường đi và đất bờ ao của Nguyễn Văn D theo đo vẽ, thẩm định thực tế có diện tích 418,11m², tại thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Ngoài ra, Nguyễn Văn D không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

** Tại Biên bản hoà giải và tại phiên toà, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Đào Thị C là Luật sư Phạm Mạnh H và Luật sư Lê Quý T cùng trình bày ý kiến:*

Nhất trí với các nội dung do nguyên đơn bà Đào Thị C đã trình bày nêu trên và không trình bày bổ sung thêm nội dung gì khác. Ông H và ông T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn D phải dành cho gia đình bà Đào Thị C và các hộ dân khác một lối đi qua là toàn bộ diện tích đất đường đi và đất bờ ao của Nguyễn Văn D theo đo vẽ, thẩm định thực tế có diện tích 418,11m², tại thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Ngoài ra, ông H và ông T không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

** Tại Bản tự khai, Biên bản hoà giải và tại phiên toà, bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Ông với ông Nguyễn Thái S (chồng bà Đào Thị C) có quan hệ anh em họ hàng với nhau, ông Nguyễn Thái S là con nhà chị, Nguyễn Văn D là con nhà em, ông gọi Nguyễn Văn D là chị dâu. Từ trước đến nay các bên không có mâu thuẫn hay nợ nần tài sản gì với nhau.

Năm 1983 bố mẹ ông (đều đã chết) khai phá được diện tích đất 0,81ha tại lô số 15, khoảnh 14 đã được cấp Sổ lâm bạ ngày 24/6/1983 mang tên mẹ ông là bà Nguyễn Thị N. Do ông là con trai cả trong gia đình trực tiếp sinh sống cùng bà Nguyệt nên từ năm 1986 đến nay ông là người quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất gồm đất thổ cư, đất vườn, đất lâm nghiệp tại thôn Đ, xã B, huyện H và sử dụng ổn định, không có tranh chấp với bất cứ cá nhân, tổ chức nào. Khoảng năm 2001-2002 ông thuê máy mức mở đường, san ủi nền nhà với mục đích thuận tiện cho việc canh tác trên diện tích đất của gia đình ông. Việc san ủi đất này đã tạo ra một con đường nhỏ đi trên mặt bờ ao kéo dài hết đất gia đình ông, tiếp giáp đến phần diện tích đất của ông Phạm Văn N, diện tích con đường đi này khoảng 700m². Năm 2007-2008 gia đình ông đã tiến hành kê khai diện tích đất lâm nghiệp tại tờ bản đồ số 672 xã B, huyện H.

Năm 2013 gia đình ông đã thực hiện thủ tục kê khai toàn bộ diện tích đất gồm đất thổ cư, đất ao, đất lâm nghiệp để xin cấp GCNQSD đất nhưng hiện nay vẫn chưa được cấp giấy. Cùng năm 2013 gia đình ông có một con đường nhỏ đi qua bờ ao nhà ông đến hết phần đất của gia đình ông, ra đến bờ sông bến chở đồ nên anh Nguyễn Văn G (con trai bà Đào Thị C và ông Nguyễn Thái S) có đề nghị với ông về việc cùng nhau hợp tác chở đồ. Các bên cùng thuê máy mức mở đường tiếp từ nền nhà của ông ra đến bến đò hết tổng số tiền là 7.500.000 đồng. Việc hợp tác chở đồ diễn ra bình thường, sau đó một thời gian do gia đình ông neo người nên ông không hợp tác với anh G nữa. Ngày 25/5/2013 anh G trao đổi có nhu cầu muốn thuê lại con đường ông đã mở trước đó để kinh doanh chở đồ nên ông đã nhất trí. Các bên lập hợp đồng thuê bờ ao đi lại với giá 5.000.000 đồng/năm nhưng anh G mới trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng/2 năm thuê đất. Ngày 24/4/2018 gia đình Nguyễn Văn D cho người chặt cây tre và phá hoại cây màu trên diện tích đất của gia đình ông. Nguyễn Văn D làm đơn đề nghị yêu cầu thôn Đ và UBND xã B giải quyết sự việc nhiều lần nhưng đều hoà giải không thành.

Nay bà Đào Thị C yêu cầu ông có trách nhiệm phải dành cho gia đình Nguyễn Văn D và các hộ dân khác một lối đi qua là toàn bộ diện tích đất đường đi và đất bờ ao của ông theo đo vẽ, thẩm định thực tế có diện tích 418,11m² tại thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ông hoàn toàn không nhất trí. Vì ông xác định diện tích đất bờ ao và đường đi là diện tích đất của gia đình ông với mục đích để phục vụ sản xuất của gia đình ông, đây không phải là lối đi chung cho gia đình Nguyễn Văn D và các hộ dân khác. Đồng thời ngoài con đường (lối đi) đang tranh chấp nêu trên, việc

gia đình Nguyễn Văn D đi lại hàng ngày ra bến đò vẫn còn có con đường khác của thôn Bến Đền, con đường đang tranh chấp này không phải lối đi duy nhất của gia đình Nguyễn Văn D và các hộ dân khác ra bến đò. Ngoài ra, Nguyễn Văn D không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

** Tại Biên bản hoà giải và tại phiên toà, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn D là Luật sư Đàm Quốc C trình bày:*

Ông C nhất trí với các nội dung do bị đơn ông Nguyễn Văn D đã trình bày nêu trên và không trình bày bổ sung thêm nội dung gì khác.

** Tại Bản tự khai và Biên bản hoà giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn N và chị Trần Thị T trình bày:*

Anh Nghĩa là em cậu của Nguyễn Văn D, chị T là vợ anh N. Anh chị xác định trong phần diện tích đất lối đi đang tranh chấp giữa bà Đào Thị C với ông Nguyễn Văn D thì anh chị xác định đất của gia đình bắt đầu từ toàn bộ nền nhà kéo dài trở vào phía tiếp giáp với đất nhà Nguyễn Văn D, chiều dài mặt đường khoảng 30m, chiều rộng khoảng 3m theo sơ đồ đã đo vẽ của cán bộ địa chính UBND xã B, huyện H. Nguồn gốc diện tích đất này là của bố mẹ anh chị khai phá từ năm 1982 và tặng cho anh chị từ năm 1999 đến nay. Năm 2014 - 2016 anh chị đã làm thủ tục kê khai toàn bộ diện tích đất nêu trên tại UBND xã B nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Trước đây ông S, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn D có hợp tác với nhau trong việc chở đò, anh chị cho Nguyễn Văn D mượn một phần diện tích đất để làm đường đi lại, nay các bên xảy ra tranh chấp mâu thuẫn với nhau nên anh chị không cho Nguyễn Văn D mượn đất nữa, đất của anh chị thì anh chị yêu cầu lấy lại. Nếu sau này ông S, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn D có thỏa thuận hoặc hợp tác với nhau lại thì anh chị vẫn nhất trí cho Nguyễn Văn D mượn một phần diện tích đất như trước đây. Ngoài ra, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung gì khác.

** Tại Biên bản hoà giải và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang trình bày:*

Diện tích đất lối đi đang có tranh chấp giữa hộ gia đình bà Đào Thị C với hộ gia đình ông Nguyễn Văn D nằm tại khu nhà thờ thuộc thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích đất này hình thành từ năm 1990 hướng từ đường bê tông của thôn Đ, qua bờ đập giữa hai ao nhà ông Nguyễn Văn D và đường ven chân lô qua đất nhà Nguyễn Văn D, ông Nghĩa và Nguyễn Văn D hướng ra bờ sông. Diện tích đất trên từ trước đến năm 2013 không có hộ gia đình nào kê khai xin cấp GCNQSD đất. Năm 2013 anh Nguyễn Văn T là con trai ông Nguyễn Văn D có làm thủ tục kê khai xin cấp GCNQSD đất đối với 01 thửa đất với mục đích là đất ao. Gia đình bà Đào Thị C có nghề chở khách qua bến đò sông lô sang huyện B, tỉnh Hà Giang. Diện tích đất đường đi đang tranh chấp giữa các bên là đường đi lối tắt của người dân ra bến đò. Ngày 24/4/2018

Nguyễn Văn D rào đường, đào hào, dựng nhà tạm trên diện tích đất đường đi trên dẫn đến xảy ra tranh chấp về lối đi. UBND xã B xác định lối đi mà Nguyễn Văn D đang có tranh chấp với Nguyễn Văn D không nằm trong quy hoạch mở đường ngõ xóm đi vào nhà Nguyễn Văn D và các hộ dân mà đường ngõ xóm đi vào nhà Nguyễn Văn D và các hộ dân đã được quy hoạch, đồ đường bê tông chạy từ đường liên thôn đến tiếp giáp với đất nhà Nguyễn Văn D. Quan điểm của đại diện UBND xã B là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

** Tại Bản tự khai, Biên bản hoà giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái S trình bày:*

Ông là chồng bà Đào Thị C. Ông đã uỷ quyền toàn bộ cho vợ là bà Đào Thị C tham gia tố tụng tại Toà án. Ông hoàn toàn nhất trí với các nội dung do bà Đào Thị C đã trình bày. Ngoài ra ông không trình bày nội dung gì khác.

** Tại Bản tự khai và Biên bản hoà giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh là con trai ông Nguyễn Văn D. Anh được biết sự việc năm 2013 giữa bố anh là Nguyễn Văn D với anh Nguyễn Văn G có lập hợp đồng thuê đất (bờ ao) với nhau với trị giá 5.000.000 đồng/năm. Từ năm 2013 đến năm 2015 anh trực tiếp nhận số tiền 10.000.000 đồng/2 năm tiền thuê lối đi của anh Nguyễn Văn G trả. Từ năm 2016 đến nay anh và gia đình anh chưa nhận được số tiền thuê đất nào của anh G trả cho gia đình anh.

Nay bà Đào Thị C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm phải khôi phục lại hiện trạng con đường mòn đi từ nhà bà Đào Thị C đến đoạn qua bờ ao nhà Nguyễn Văn D như trước thời điểm tháng 4 năm 2018, anh hoàn toàn không nhất trí. Vì anh T xác định diện tích đất bờ ao và đường đi là diện tích đất của gia đình anh với mục đích để phục vụ sản xuất của gia đình, đây không phải là lối đi chung cho gia đình Nguyễn Văn D và các hộ dân khác. Ngoài ra, anh không đề nghị giải quyết nội dung gì khác.

** Tại Bản tự khai và Biên bản hoà giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D trình bày:*

Bà là vợ ông Nguyễn Văn D. Bà nhất trí với các nội dung do Nguyễn Văn D trình bày nêu trên. Bà không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị C về việc yêu cầu gia đình bà phải có trách nhiệm phải khôi phục lại hiện trạng con đường mòn như trước thời điểm tháng 4 năm 2018 để làm lối đi chung cho gia đình bà Đào Thị C và các hộ dân khác trong thôn. Bà xác định diện tích đất (lối đi) đang tranh chấp là của gia đình bà, không phải là lối đi chung. Ngoài ra bà không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

** Tại Bản tự khai, Biên bản hoà giải và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng H trình bày:*

Anh là con trai bà Đào Thị C và ông Nguyễn Thái S. Từ năm 2014 anh được anh Nguyễn Văn G giao lại cho thực hiện toàn bộ nội dung trong hợp đồng thuê diện tích đất bờ ao nhà ông Nguyễn Văn D để thực hiện việc chở đồ. Tháng 4 năm 2014 anh trực tiếp trả cho anh Nguyễn Văn T là con trai ông Nguyễn Văn D tổng số tiền thuê là 20.000.000 đồng/4 năm (trả đến hết năm 2018), việc trả tiền không lập thành văn bản, giấy tờ gì). Năm 2018 do Nguyễn Văn D tự ý rào đường đi, đào rãnh dựng nhà trên diện tích đất gia đình anh đang thuê nên các bên không thực hiện theo nội dung đã thoả thuận trong hợp đồng nữa. Từ đó đến nay, anh chưa trả tiếp tiền thuê đất bờ ao cho gia đình Nguyễn Văn D nữa.

Anh xác định hiện nay ngoài con đường (lối đi) đang tranh chấp thì gia đình anh rất khó khăn trong việc đi lại để vào khu vực diện tích đất nhà ở và canh tác, ảnh hưởng rất nhiều đến việc đi lại, sản xuất và học hành của các con anh. Anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị C, đề nghị buộc ông Nguyễn Văn D phải dành cho gia đình bà Đào Thị C và các hộ dân một lối đi qua là toàn bộ diện tích đất đường đi và đất bờ ao của Nguyễn Văn D theo đo vẽ, thẩm định thực tế có diện tích 418,11m², tại thôn Đ, xã B, huyện H. Ngoài ra, anh không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

** Tại Bản tự khai và Biên bản hoà giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H trình bày:*

Chị là vợ anh Nguyễn Hoàng H. Chị nhất trí với toàn bộ ý kiến trình bày của anh Nguyễn Hoàng H. Ngoài ra, chị không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

** Tại Bản tự khai, Biên bản hoà giải và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Anh T trình bày:*

Anh nhất trí với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Đào Thị C. Anh đề nghị buộc ông Nguyễn Văn D phải dành cho gia đình bà Đào Thị C và các hộ dân một lối đi qua là toàn bộ diện tích đất đường đi và đất bờ ao của Nguyễn Văn D theo đo vẽ, thẩm định thực tế có diện tích 418,11m², tại thôn Đ, xã B, huyện H. Ngoài ra, anh không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

** Tại Bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị X trình bày:*

Chị là vợ anh Đỗ Anh T và đã uỷ quyền toàn bộ cho anh T tham gia tố tụng tại Toà án. Chị nhất trí với các nội dung anh Tấn đã trình bày và không yêu cầu Toà án giải quyết nội dung gì khác.

** Tại Bản tự khai và Biên bản hoà giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn G trình bày:*

Từ năm 2008 anh được bố mẹ là bà Đào Thị C và ông Nguyễn Thái S cho tiếp quản bến đò ngang chở khách qua sông. Năm 2012-2013 ông Nguyễn Văn D có đặt vấn đề với anh về việc xin một xuất chở đồ và giao cho con trai là anh

Nguyễn Văn T chở khách. Sau thời gian khoảng 3-4 tháng thì anh T không chở khách qua đò nữa vì lý do đò xa nhà và sức khoẻ không bảo đảm. Nguyễn Văn D yêu cầu anh làm hợp đồng thuê bờ ao vì đoạn đường đi ra bến đò có đi qua một đoạn bờ ao. Ngày 25/5/2013 anh nhất trí và ký hợp đồng thuê bờ ao với Nguyễn Văn D với số tiền thuê thoả thuận là 5.000.000 đồng/năm. Các bên thực hiện đúng nội dung thoả thuận trong hợp đồng cho đến tháng 4 năm 2014 do công việc cá nhân nên anh không thực hiện việc chở đò nữa, anh giao toàn bộ công việc cho em trai là Nguyễn Hoàng và anh rể là Đỗ Anh T tiếp tục chở đò và trả tiền thuê bờ ao cho Nguyễn Văn D. Năm 2018 Nguyễn Văn D tự ý đào rãnh và làm nhà ngang đường đi lại, cản trở việc khách qua đò nên các bên xảy ra tranh chấp. Anh đề nghị được tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê bờ ao giữa anh và Nguyễn Văn D do các bên ký kết với nhau ngày 25/5/2013. Ngoài ra anh không đề nghị giải quyết nội dung gì.

** Tại Bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị Q trình bày:*

Chị là vợ anh Nguyễn Văn G và đã uỷ quyền toàn bộ cho anh G tham gia tố tụng tại Toà án. Chị nhất trí với các nội dung anh G đã trình bày và không yêu cầu Toà án giải quyết nội dung gì khác.

** Tại bản tự khai và Biên bản lấy lời khai bổ sung, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị N cùng trình bày:*

Mẹ đẻ ông bà là bà Nguyễn Thị N (đã chết năm 2015) và bố ông bà là ông Nguyễn Văn M (đã hy sinh năm 1989) sinh được 04 người con gồm: Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; Nguyễn Văn D, sinh năm 1960; Nguyễn Thị M, sinh năm 1965 và Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1968. Cả bốn người nêu trên hiện nay đang cùng cư trú tại thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn bà Đào Thị C với bị đơn ông Nguyễn Văn D là do mẹ ông bà là bà Nguyễn Thị N tự khai phá và được nhà nước cấp sổ lâm bạ (không nhớ mẹ ông bà khai phá diện tích từ thời gian nào). Năm 1991 khi ông S, bà N và bà M đi xây dựng gia đình và ra ở riêng thì toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp bà Nguyễn Thị N đã giao lại cho ông Nguyễn Văn D trực tiếp quản lý, sử dụng, vì Nguyễn Văn D là con trai cả trực tiếp sinh sống với bà N. Ông bà không có bất cứ ý kiến gì thắc mắc hay tranh chấp gì về việc bà N giao diện tích đất cho Nguyễn Văn D quản lý, sử dụng. Khoảng năm 1986 ông bà được trực tiếp cùng các anh em trong gia đình tham gia đắp bờ đập (bờ ao) làm lối đi lại làm nương, gần đó có một số gia đình cùng làm nương có đi nhờ qua đường bờ ao nhà ông bà, nhưng họ chỉ đi nhờ qua chứ không có công sức đóng góp gì trong việc tạo dựng đắp bờ ao. Ông bà xác định đường đi trên bờ ao này thuộc đất của gia đình do ông Nguyễn Văn D

hiện nay đang trực tiếp quản lý và sử dụng. Bà Đào Thị C khởi kiện xác định đây là lối đi chung của gia đình Nguyễn Văn D và các hộ dân khác trong thôn thì ông bà không nhất trí.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 245, 246, 254 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ Khoản 9 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 165, 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị C về việc “Kiện yêu cầu quyền về lối đi qua” đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D phải dành cho gia đình bà Đào Thị C và các hộ dân một lối đi qua là toàn bộ diện tích đất đường đi và đất bờ ao của Nguyễn Văn D theo đo vẽ, thẩm định thực tế có diện tích 418,11m², tại thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Tạm giao cho ông Nguyễn Văn D được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất đường đi và đất bờ ao 418,11m², tại thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích đất này được giới hạn bởi các điểm nối liền liên tục là 13, 14, 16, 18, 21, 22, 25, 49, 48, 47, 46, 45, 44, 43, 42, 32, 31, 30, 29, 28, 27, 26, 24, 23, 20, 19, 17, 13 như Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đo vẽ do Công ty TNHH MTV dịch vụ Tài nguyên môi trường Hà Tuyên in sao (Có sơ đồ chi tiết kèm theo không tách rời bản án).

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và đo vẽ tài sản tranh chấp:

- Bà Đào Thị C phải chịu số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản do Hội đồng thẩm định giá tài sản tiến hành 5.000.000 đồng và tiền chi phí cho Công ty TNHH MTV dịch vụ Tài nguyên môi trường Hà Tuyên thực hiện việc đo vẽ là 3.915.000 đồng, tổng số tiền Nguyễn Văn D phải chịu 8.915.000đ (*Tám triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng*). Bà Đào Thị C đã nộp đủ số tiền trên được thể hiện tại Giấy thanh toán tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản đang tranh chấp (không ghi ngày) và tại Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000061, ngày 08/4/2020 của Công ty TNHH MTV dịch vụ Tài nguyên môi trường Hà Tuyên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/9/2021 Bà Đào Thị C, anh Đỗ Anh T, anh Nguyễn Hoàng H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 07/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, với lý do: Tòa án xét xử không công tâm, không khách quan, có dấu hiệu vi phạm tố tụng, không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng, không triệu tập người làm chứng. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét lại toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo bà Đào Thị C, anh Đỗ Anh T, anh Nguyễn Hoàng H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, luật sư ông Phạm Mạnh H đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn buộc Nguyễn Văn D phải dành cho gia đình Nguyễn Văn D và các hộ dân một lối đi qua.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, luật sư ông Lê Quý T đề nghị HĐXX huỷ bản án dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, luật sư Đàm Quốc C trình bày quan điểm: Không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của các đương sự và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của các đương sự là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thị C, anh Đỗ Anh T, anh Nguyễn Hoàng H giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 07/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H.

Về án phí dân sự sơ thẩm đối với Nguyễn Văn D, tại thời điểm xét xử sơ thẩm Nguyễn Văn D là người phải chịu án phí theo quy định nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đ, án phí dân sự sơ thẩm, nhưng đến khi xét xử phúc thẩm Nguyễn Văn D đã đủ 60 tuổi nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm miễn số tiền án phí sơ thẩm cho Nguyễn Văn D theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Nguyễn Văn D là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự phúc thẩm. Đối với anh T và anh H do yêu cầu kháng cáo

không được chấp nhận nên anh T và anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Anh T, anh Nguyễn Hoàng H trong hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí, do đó đơn kháng cáo là hợp lệ được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị N, bà Trần Thị D, chị Trần Thị T, ông Nguyễn Văn S, ông Đỗ Quang T, anh Phạm Văn N, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị X, chị Đào Thị Q, chị Phạm Thị H đều có đơn xin xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 BLTTDS Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với những người có đơn xin xử vắng mặt.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đào Thị C, anh Đỗ Anh T và anh Nguyễn Hoàng H Hội đồng xét xử thấy rằng:

Diện tích đất đang tranh chấp (đường đi) tại thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang có tổng diện tích 665,19m². Nguyên đơn bà Đào Thị C xác định đây là con đường đi chung của hộ gia đình bà, anh Đỗ Anh T, anh Nguyễn Hoàng H và các hộ dân khác trong thôn cùng lưu thông đi lại ra bến đò qua sông Lô sang huyện B, tỉnh Hà Giang. Bị đơn ông Nguyễn Văn D xác định trong diện tích đất (đường đi) đang có tranh chấp có một phần diện tích đất đường đi và đất bờ ao là của bố mẹ ông khai phá từ năm 1983 và để lại cho gia đình ông quản lý, sử dụng, không phải là lối đi chung của các hộ dân trong thôn Đ, xã B ra bến đò dẫn đến các bên phát sinh tranh chấp.

Năm 2012 gia đình Nguyễn Văn D và gia đình Nguyễn Văn D có hợp tác cùng nhau chở đò khách từ bến đò qua sông Lô sang đất huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, việc hợp tác làm ăn chung được khoảng 05 tháng thì các bên chấm dứt không thực hiện nữa. Ngày 25/5/2013 con trai Nguyễn Văn D là anh Nguyễn Văn G ký “Hợp đồng thuê bờ ao đi lại” của ông Nguyễn Văn D với nội dung: “*Ông Nguyễn Văn D cho thuê thời hạn là hai năm một. Số tiền trả cho Nguyễn Văn D chia làm hai kỳ. Tổng số tiền trả trong một năm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn), đến năm 2014 thì làm lại hợp đồng, trong thời gian hợp đồng Nguyễn Văn D phải tạo mọi điều kiện để giao thông đi lại được thuận tiện. Anh G phải tu sửa đường không làm ảnh hưởng đến đất canh tác của Nguyễn Văn D*” (Bút lục số 36). Các bên thực hiện đúng nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, đến tháng 4 năm 2018 gia đình Nguyễn Văn D chặt cây tre tại bụi tre trên bờ ao thì xảy ra mâu thuẫn với Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn D đã

đào rãnh sâu ngang đường, rào lại bờ ao chắn đường đi lại, dựng một nhà tạm không cho gia đình Nguyễn Văn D đi lại trên diện tích đất bờ ao nữa. Nguyễn Văn D cho rằng diện tích đất bờ ao này là đường đi của gia đình bà và hai hộ gia đình khác là anh Đỗ Anh T, anh Nguyễn Hoàng H cùng các hộ dân trong thôn Đ làm đường đi lại chung ra bến đò nên bà khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn D phải dành cho gia đình bà và các hộ dân khác một lối đi qua là diện tích đất đường đi và đất bờ ao của Nguyễn Văn D theo sơ đồ đo vẽ, thẩm định thực tế có diện tích 418,11m², tại thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Kết quả xác minh tại thôn Đ, xã B, huyện H thể hiện:

- Về nguồn gốc diện tích đất các bên đang tranh chấp có phần đường đi trên bờ ao là do ông Nguyễn Văn D trực tiếp đắp bờ. Năm 2002 Nguyễn Văn D thuê máy múc để san ủi thành nền nhà ngay gần cạnh ngôi nhà tạm hiện nay. Con đường đi hiện nay đang tranh chấp từ chỗ dựng ngôi nhà tạm đến bờ ao nhà Nguyễn Văn D do Nguyễn Văn D tạo thành; còn đoạn từ chỗ ngôi nhà tạm về phía bến đò nhà Nguyễn Văn D là do nhà Nguyễn Văn D tự mở. Con đường do nhà Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn D mở ra với mục đích làm đường đi để kinh doanh vận tải đò. Năm 2012 gia đình Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn D có làm chung chõ đò với nhau, sau đó các bên không hợp tác làm chung nữa thì gia đình Nguyễn Văn D (gồm anh T, anh G và anh H) cùng nhau chõ đò và có thuê lại bờ ao nhà Nguyễn Văn D với giá 5.000.000 đồng/năm. Việc các bên lập hợp đồng thuê đất bờ ao cụ thể như thế nào thì địa phương không biết, vì không qua xác nhận của thôn. Sau đó các bên xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp nên Nguyễn Văn D đã rào đường, đào rãnh và dựng 01 ngôi nhà tạm trên diện tích đất tranh chấp.

- Về con đường đi vào nhà ở và khu sản xuất của gia đình bà Đào Thị C, anh Đỗ Anh T và anh Nguyễn Hoàng H mà các bên đang tranh chấp không phải là con đường duy nhất đi vào nhà Nguyễn Văn D, anh T và anh H. Hiện nay các hộ gia đình Nguyễn Văn D, anh T và anh H đang đi lại bằng đường bê tông được xây dựng theo trương trình bê tông hoá nông thôn, tỉnh hỗ trợ xi măng, người dân hỗ trợ công sức, con đường này nằm trên đất của thôn, độ dày 16 cm, rộng 03 mét, do thôn quản lý, con đường đã thể hiện trên bản đồ giải thửa 299 xã B, huyện H (Bút lục 105, 106). Do vậy, việc Nguyễn Văn D rào đường đi, đào rãnh không làm ảnh hưởng đến việc đi lại của các hộ dân nêu trên. Quan điểm của thôn về việc giải quyết tranh chấp là đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Kết quả xác minh tại UBND xã B, huyện H thể hiện: Về diện tích đất ao của hộ gia đình ông Nguyễn Văn D nằm tại thửa số 393 tờ bản đồ giải thửa số 299 xã B, huyện H. Hiện nay phần diện tích đất ao này đang do Nguyễn Văn D là người quản lý, sử dụng. Năm 2015 con trai Nguyễn Văn D là anh Nguyễn

Văn T đã tiến hành kê khai, đăng ký xin cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất này nhưng chưa đủ điều kiện được cấp giấy. Về diện tích đất (lỗi đi) đang tranh chấp giữa các bên, qua kiểm tra bản đồ giải thửa số 299 xã B, huyện H không thể hiện (không kẻ vẽ) con đường nào đi qua bờ ao nhà Nguyễn Văn D. Tuy nhiên tại Bản đồ kiểm kê hiện trạng năm 2014 của UBND xã B thì tại thời điểm kiểm kê có thể hiện 01 con đường đi qua bờ ao nhà Nguyễn Văn D (Hiện trạng diện tích đất như thế nào thì kiểm kê diện tích đất thể hiện thực tế như vậy). Quan điểm của địa phương là đề nghị các bên tự thoả thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp, nếu các bên không tự thoả thuận được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đồng thời theo “Hợp đồng thuê bờ ao đi lại” giữa ông Nguyễn Văn D với anh Nguyễn Văn G ngày 25/5/2013 cũng thể hiện nội dung: *“Ông Nguyễn Văn D cho thuê thời hạn là hai năm một. Số tiền trả cho Nguyễn Văn D chia làm hai kỳ. Tổng số tiền trả trong một năm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn), đến năm 2014 thì làm lại hợp đồng, trong thời gian thực hiện hợp đồng Nguyễn Văn D phải tạo mọi điều kiện để giao thông đi lại được thuận tiện. Anh G phải tu sửa đường không làm ảnh hưởng đến đất canh tác của Nguyễn Văn D”*. Nguyễn Văn D xác định diện tích đất trên bờ ao nhà Nguyễn Văn D là lỗi đi chung của gia đình bà và các hộ dân khác nhưng gia đình bà vẫn trả tiền thuê đất (bờ ao) trong thời gian hai năm cho Nguyễn Văn D. Việc trả tiền thuê đất các bên không lập thành văn bản giấy tờ riêng nhưng anh Nguyễn Văn T con trai Nguyễn Văn D thừa nhận đã nhận đủ số tiền thuê đất do anh Nguyễn Văn G trực tiếp trả là 10.000.000 đồng/2 năm, (anh Nguyễn Văn G trình bày đã trả cho anh T tổng số tiền là 20.000.000 đồng/4 năm). Mặc dù các bên không thống nhất về tổng số tiền anh G đã trả thuê đất của Nguyễn Văn D nhưng thực tế các bên đều thừa nhận có việc anh G thuê diện tích đất bờ ao nhà Nguyễn Văn D để làm đường đi lại phục vụ việc chở đồ. Nguyễn Văn D xác định đây là lỗi đi của gia đình bà và các hộ dân đi ra bên bờ nhưng gia đình bà vẫn tự nguyện thoả thuận nhất trí trả tiền thuê đất bờ ao hàng năm cho ông Nguyễn Văn D.

Tòa án tiến hành xác minh tại Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang xác định hiện nay hộ gia đình ông Nguyễn Thái S, bà Đào Thị C, ông Nguyễn Văn G và ông Nguyễn Hoàng Hchura được Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, từ đó có đủ căn cứ khẳng định diện tích đất đường đi và đất bờ ao nhà Nguyễn Văn D là thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Nguyễn Văn D.

Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyễn Văn D, anh Tân, anh Hải không có tài liệu chứng cứ mới nộp bổ sung so với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập tại giai

đoạn giải quyết sơ thẩm. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thị C, anh Đỗ Anh T, anh Nguyễn Hoàng H. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 07/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H như ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với Nguyễn Văn D, tại thời điểm xét xử sơ thẩm Nguyễn Văn D là người phải chịu án phí theo quy định nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đ, án phí dân sự sơ thẩm, nhưng đến khi xét xử phúc thẩm Nguyễn Văn D đã đủ 60 tuổi nên Tòa án cấp phúc thẩm miễn số tiền án phí sơ thẩm cho Nguyễn Văn D theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Nguyễn Văn D là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Đối với anh T và anh Hdo yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 245, 246, 254 [Bộ luật dân sự](#).

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Anh T và anh Nguyễn Hoàng H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 07/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị C về việc “Kiện yêu cầu quyền về lối đi qua” đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D phải dành cho gia đình bà Đào Thị C và các hộ dân một lối đi qua là toàn bộ diện tích đất đường đi và đất bờ ao của Nguyễn Văn D theo sơ đồ đo vẽ, thẩm định thực tế có diện tích 418,11m², tại thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Tạm giao cho ông Nguyễn Văn D được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất đường đi và đất bờ ao diện tích 418,11m², tại thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích đất được giới hạn bởi các điểm nối liền liên tục là 13, 14, 16, 18, 21, 22, 25, 49, 48, 47, 46, 45, 44, 43, 42, 32, 31, 30, 29, 28, 27, 26, 24, 23, 20, 19, 17, 13 như Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã đo vẽ do Công ty TNHH MTV dịch vụ Tài nguyên môi trường Hà Tuyên in sao (Có sơ đồ chi tiết kèm theo không tách rời bản án).

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và đo vẽ tài sản tranh chấp:

- Bà Đào Thị C phải chịu số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản do Hội đồng thẩm định giá tài sản tiến hành là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và tiền chi phí cho Công ty TNHH MTV dịch vụ Tài nguyên môi trường Hà Tuyên thực hiện việc đo vẽ là 3.915.000 đồng (Ba triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng), tổng số tiền Nguyễn Văn D phải chịu là 8.915.000đ (*Tám triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng*). Bà Đào Thị C đã nộp đủ số tiền trên được thể hiện tại Giấy thanh toán tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản đang tranh chấp (không ghi ngày) và tại Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000061, ngày 08/4/2020 của Công ty TNHH MTV dịch vụ Tài nguyên môi trường Hà Tuyên.

4. Về án phí:

** Án phí dân sự sơ thẩm:*

- Bà Đào Thị C được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm; trả lại cho Nguyễn Văn D số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002066 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Nguyễn Văn D không phải nộp tiền án phí.

** Án phí dân sự phúc thẩm:*

Bà Đào Thị C được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm; trả lại cho Nguyễn Văn D số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004550 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Đỗ Anh T và anh Nguyễn Hoàng H mỗi người phải chịu số tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004551; số 0004552 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang, anh Đỗ Anh T và anh Nguyễn Hoàng H đã nộp đủ tiền án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 26/4/2022).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Đức Nam